2026/11/17現在

Lịch trình buổi họp dành cho phụ huynh học sinh mới nhập học

Vào ngày diễn ra buổi giới thiệu, cũng có những trường tổ chức tham quan trường (cho phép quan sát giờ học) hoặc bán đồ dùng học tập, v.v.
Vui lòng liên hệ trực tiếp với từng trường để biết thêm chi tiết.※Mã vùng là "048".

≪Trường tiểu học≫

Quận	Tên Trường	Ngày tổ chức	Thời gian	Số Điện thoại
Quận Nishi	Trường tiểu học Sashiogi	1/29	14:00 ～ 15:15	623-0133
	Trường tiểu học Mamiya-Higashi	2/9	14:15 ～ 15:30	624-4452
	Trường tiểu học Mamiya-Nishi	1/28	13:25 ～ 14:25	624-4041
	Trường tiểu học Uemizu	2/5	13:50 ～ 15:15	624-4235
	Trường tiểu học Omiya-Nishi	2/5	15:05 ～ 16:30	624-0035
	Trường tiểu học Sakae	1/29	14:00 ～ 15:00	623-0775
	Trường tiểu học Miyamae	1/28	14:20 ～ 15:40	623-8121
	Trường tiểu học Sashiogi-Kita	1/29	14:00 ～ 14:45	622-4131
Quận Kita	Trường tiểu học Higashi-Onari	1/21	13:45 ～ 16:00	663-3210
	Trường tiểu học Nisshin	2/3	13:45 ～ 15:00	663-6942
	Trường tiểu học Nisshin-Kita	2/2	14:00 ～ 16:00	663-1842
	Trường tiểu học Miyahara	1/28	13:50 ～ 15:05	664-5153
	Trường tiểu học Uetake	2/5	13:15 ～ 14:30	663-7627
	Trường tiểu học Osato	2/4	13:45 ～ 16:00	663-7005
	Trường tiểu học Omiya-Bessho	1/22	14:00 ～ 15:30	667-3633
	Trường tiểu học Taihei	1/28	12:50 ～ 15:00	651-5637
	Trường tiểu học Tsubasa	1/16動画配信開始	12:00 ～ 14:00	661-0283
Quận Omiya	Trường tiểu học Omiya	2/4	10:00 ～ 11:00	641-7051
	Trường tiểu học Omiya-Higashi	2/2	13:30 ～ 15:20	644-0311
	Trường tiểu học Omiya-Minami	1/29	10:00 ～ 12:00	641-0339
	Trường tiểu học Omiya-Kita	1/29	14:00 ～ 15:30	644-0123
	Trường tiểu học Sakuragi	1/29	14:15 ～ 16:00	641-0276
	Trường tiểu học Mihashi	2/4	14:00 ～ 15:30	641-0792
	Trường tiểu học Onari	1/22	14:00 ～ 15:30	663-1007
	Trường tiểu học Shibakawa	1/29	10:00 ～ 11:00	644-7544
	Trường tiểu học Kamiko	2/5	14:00 ～ 15:30	644-6251
Quận Minuma	Trường tiểu học Osato-Higashi	1/26	14:00 ～ 15:00	684-8003
	Trường tiểu học Minuma	2/4	14:40 ～ 15:30	663-7342
	Trường tiểu học Katayanagi	1/29	9:40 ～ 11:30	683-3174
	Trường tiểu học Nanasato	1/22	13:30 ～ 16:30	683-3513
	Trường tiểu học Haruoka	2/5	14:00 ～ 15:20	683-3281
	Trường tiểu học Haruoka	2/9	13:45 ～ 15:10	684-3678
	Trường tiểu học Oya	1/19	13:45 ～ 15:00	685-8511
	Trường tiểu học Shima	2/4	13:30 ～ 15:30	685-0607
	Trường tiểu học Higashi-Miyashita	2/2	13:45 ～ 15:30	685-3652
	Trường tiểu học Ebinuma	2/5	14:30 ～ 16:00	686-2125
	Trường tiểu học Haruno	1/20	13:20 ～ 15:50	685-3055
	Trường tiểu học Owada	2/5	13:40 ～ 15:15	795-9647
Quận Chuo	Trường tiểu học Yono-Honmachi	2/12	14:00 ～ 15:00	852-4444
	Trường tiểu học Kami-Ochiai	2/9	15:00 ～ 16:00	852-5381
	Trường tiểu học Oto	1/28	14:15 ～ 15:15	831-3796
	Trường tiểu học Shimo-Ochiai	2/12	13:40 ～ 15:00	852-2280
	Trường tiểu học Yono-Seihoku	2/2	10:00 ～ 12:00	853-0109
	Trường tiểu học Suzuya	2/1	13:30 ～ 15:00	852-5675
	Trường tiểu học Yono-Hachiman	1/28	14:30 ～ 15:30	854-5561
	Trường tiểu học Yono-Minami	1/22	14:00 ～ 15:00	831-0157
Quận Sakura	Trường tiểu học Tsuchiai	2/4	14:00 ～ 15:00	862-5156
	Trường tiểu học Okubo	2/4	9:45 ～ 10:30	854-7636
	Trường tiểu học Sakawa	1/20	10:15 ～ 11:15	853-4022
	Trường tiểu học Tajima	1/29	15:05 ～ 15:50	863-8122
	Trường tiểu học Okubo-Higashi	2/4	14:00 ～ 15:00	852-3065
	Trường tiểu học Shibiraki	2/4	14:30 ～ 16:00	864-6741
	Trường tiểu học Jinde	2/3	13:30 ～ 14:40	853-4377
	Trường tiểu học Nakajima	1/20	14:00 ～ 15:00	854-9900

Quận	Tên Trường	Ngày tổ chức	Thời gian	Số Điện thoại
Quận Urawa	Trường tiểu học Takasago	2/2	13:30 ～ 15:00	829-2737
	Trường tiểu học Tokiwa	1/21	14:15 ～ 15:00	831-2349
	Trường tiểu học Kizaki	2/4	14:45 ～ 15:30	831-2281
	Trường tiểu học Nakajima	1/26	14:00 ～ 15:00	882-3008
	Trường tiểu học Motobuto	1/18	15:00 ～ 16:00	882-3007
	Trường tiểu học Kita-Urawa	1/28	14:00 ～ 16:00	831-2463
	Trường tiểu học Nakacho	1/22	13:30 ～ 15:00	831-4781
	Trường tiểu học Kami-Kizaki	2/5	14:20 ～ 15:00	831-3879
	Trường tiểu học Kishicho	2/3	14:00 ～ 15:00	861-4320
	Trường tiểu học Harigaya	2/10	14:00 ～ 15:30	831-9040
	Trường tiểu học Daito	2/4	15:00 ～ 16:30	886-7296
	Trường tiểu học Tokiwa-Kita	1/29	14:30 ～ 15:30	825-6336
Quận Minami	Trường tiểu học Yada	1/22	10:00 ～ 11:00	882-2980
	Trường tiểu học Minami-Urawa	1/29	13:45 ～ 15:30	861-3781
	Trường tiểu học Urawa-Bessho	1/25	14::00 ～ 15:15	862-2775
	Trường tiểu học Oyaba	1/22	14:00 ～ 15:30	882-2555
	Trường tiểu học Oyaba-Higashi	2/5	13:30 ～ 14:50	882-4618
	Trường tiểu học Nishi-Urawa	1/20	10:00 ～ 12:00	862-3510
	Trường tiểu học Tsuji	2/12	14::00 ～ 15:00	862-1072
	Trường tiểu học Buzou	2/10	9:40 ～ 10:40	863-0721
	Trường tiểu học Numakage	1/21	14:50 ～ 16:30	863-0777
	Trường tiểu học Oyaguchi	2/4	10:00 ～ 11:00	887-2731
	Trường tiểu học Urawa-Osato	1/28	9:45 ～ 10:15	864-6731
	Trường tiểu học Zenmae	1/29	14:00 ～ 16:00	882-7871
	Trường tiểu học Mukai	1/29	10:00 ～ 10:40	874-1150
	Trường tiểu học Tsuji-Minami	1/25	動画配信 詳細は学校までお問い合わせください。	839-3001
Quận Midori	Trường tiểu học Mimuro	1/29	13:45 ～ 15:00	874-1207
	Trường tiểu học Omagi	2/4	9:30 ～ 10:00	873-6000
	Trường tiểu học Harayama	2/5	14:20 ～ 15:40	882-7907
	Trường tiểu học Daimon	2/4	14:00 ～ 15:00	878-0024
	Trường tiểu học Noda	2/5	14:00 ～ 15:15	878-0003
	Trường tiểu học Saido	1/22	13:45 ～ 14:30	885-2512
	Trường tiểu học Nakao	1/26	13:30 ～ 15:00	873-0216
	Trường tiểu học Omaki	2/3	10:00 ～ 11:00	874-3456
	Trường tiểu học Shibahara	1/22	10:15 ～ 11:45	873-4133
	Trường tiểu học Misono	2/3	10:30 ～ 13:30	812-6611
	Trường tiểu học Misono-Kita	1/29	詳細は学校HPを御確認ください。	812-2277
Quận Iwatsuki	Trường tiểu học Iwatsuki	1/29	9:10 ～ 10:10	756-3341
	Trường tiểu học Ota	2/4	学校webページにて動画配信	756-0515
	Trường tiểu học Kawadori	1/29	9:00 ～ 11:30	799-1060
	Trường tiểu học	2/2	10:00 ～ 12:00	798-3831
	Trường tiểu học Wado	1/29	10:00 ～ 11:10	798-0208
	Trường tiểu học Niiwa	1/29	14:00 ～ 15:10	798-0003
	Trường tiểu học Jionji	1/29	11:00 ～ 12:10	794-1140
	Trường tiểu học Kawai	1/29	9:30 ～ 11:30	756-2243
	Trường tiểu học Higashi-	2/4	9:30 ～ 10:50	794-1584
	Trường tiểu học Jyohoku	1/28	14:00 ～ 15:00	757-5391
	Trường tiểu học Tokuriki	1/28	9:30 ～ 11:00	794-2318
	Trường tiểu học Kamisato	1/27	9:30 ～ 11:30	794-2316
	Trường tiểu học Nishihara	2/5	13:00 ～ 14:00	757-2271
	Trường tiểu học Jyonan	2/4	10:00 ～ 11:30	798-4811
Khác	Trường tiểu học Irodori Gakuen	3/9	15:30 ～ 16:30	711-5377

2026/11/17現在

Lịch trình buổi họp dành cho phụ huynh học sinh mới nhập học

Vào ngày diễn ra buổi giới thiệu, cũng có những trường tổ chức tham quan trường (cho phép quan sát giờ học) hoặc bán đồ dùng học tập, v.v.
Vui lòng liên hệ trực tiếp với từng trường để biết thêm chi tiết.※Mã vùng là "048".

≪Trường học Cơ sở≫

Quận	Tên Trường	Ngày tổ chức	Thời gian	Số Điện thoại	Quận	Tên Trường	Ngày tổ chức	Thời gian	Số Điện thoại
Quận Nishi	Trường học Cơ sở Sashiogi	1/20	13:30 ～ 15:30	624-6234	Quận Sakura	Trường học Cơ sở Tsuchiai	1/22	13:45 ～ 15:30	853-7200
	Trường học Cơ sở Mamiya	1/14	15:00 ～ 16:30	624-0623		Trường học Cơ sở Okubo	12/11	14:00 ～ 15:30	852-3554
	Trường học Cơ sở Omiya-Nishi	1/8	9:30 ～ 11:30	624-4339		Trường học Cơ sở Tajima	1/20	14:30 ～ 16:00	864-3451
	Trường học Cơ sở Miyamae	1/15	14:00 ～ 15:30	623-7381		Trường học Cơ sở Kami-Okubo	1/15	14:45 ～ 16:00	855-3901
	Trường học Cơ sở Uemizu	1/16	13:40 ～ 14:40	623-2581	Quận Urawa	Trường học Cơ sở Tokiwa	12/11	14:00 ～ 15:30	831-3189
	Trường học Cơ sở Tsuchiya	1/9	10:00 ～ 12:00	622-4611		Trường học Cơ sở Kizaki	12/14	14:00 ～ 16:00	886-4302
Quận Kita	Trường học Cơ sở Nisshin	1/22	14:00 ～ 15:00	663-1251		Trường học Cơ sở Motobuto	12/3	14:50 ～ 16:00	886-4305
	Trường học Cơ sở Uetake	1/15	10:50 ～ 11:50	663-2115		Trường học Cơ sở Ohara	1/13	15:00 ～ 16:30	831-5397
	Trường học Cơ sở Miyahara	12/17	14:05 ～ 15:45	663-0961	Quận Minami	Trường học Cơ sở Kishi	12/8	13:25 ～ 15:30	822-4022
	Trường học Cơ sở Taihei	1/9	14:00 ～ 15:45	651-4134		Trường học Cơ sở Minami-Urawa	12/17	15:00 ～ 16:00	863-0753
	Trường học Cơ sở Toro	1/12	13:30 ～ 14:50	654-5100		Trường học Cơ sở Shirahata	1/15	14:30 ～ 16:00	861-3203
Quận Omiya	Trường học Cơ sở Omiya-Higashi	1/22	14:00 ～ 15:30	641-0808		Trường học Cơ sở Oyaba	12/11	15:00 ～ 16:20	882-9962
	Trường học Cơ sở Omiya-Minami	12/3	14:20 ～ 16:00	641-1142		Trường học Cơ sở Oyaguchi	12/18	13:30 ～ 14:45	887-1000
	Trường học Cơ sở Omiya-Kita	1/9	9:30 ～ 11:00	641-1214		Trường học Cơ sở Uchiya	1/16	14:30 ～ 15:30	861-7571
	Trường học Cơ sở Sakuragi	1/19	14:00 ～ 16:20	641-0459	Quận Midori	Trường học Cơ sở Harayama	1/22	14:40 ～ 16:00	882-3192
	Trường học Cơ sở Mihashi	1/13	15:15 ～ 16:15	641-0793		Trường học Cơ sở Higashi-Urawa	1/21	14:00 ～ 15:15	873-4141
	Trường học Cơ sở Onari	12/16	13:40 ～ 15:30	663-1008		Trường học Cơ sở Misono	1/20	14:50 ～ 15:50	878-0019
	Trường học Cơ sở Daini-Higashi	1/15	14:30 ～ 16:00	643-2133		Trường học Cơ sở Mimuro	1/21	15:30 ～ 16:20	874-2331
Quận Minuma	Trường học Cơ sở Osato	12/10	14:00 ～ 16:00	684-8004		Trường học Cơ sở Omagi	1/22	14:10 ～ 16:10	874-9733
	Trường học Cơ sở Katayanagi	1/9	9:30 ～ 10:40	683-3173		Trường học Cơ sở Misono-Minami	1/15	15:15 ～ 16:15	878-3511
	Trường học Cơ sở Harusato	1/16	10:00 ～ 11:15	683-3458	Quận Iwatsuki	Trường học Cơ sở Iwatsuki	2/2	14:00 ～ 16:00	756-0254
	Trường học Cơ sở Nanasato	1/15	14:45 ～ 15:35	685-0603		Trường học Cơ sở Kawadoori	1/14	14:00 ～ 15:45	799-1061
	Trường học Cơ sở Oya	1/9	11:00 ～ 12:30	685-6982		Trường học Cơ sở Jyonan	12/18	14:10 ～ 15:40	798-0007
	Trường học Cơ sở Omiya-Yahata	1/14	13:40 ～ 15:00	687-8800		Trường học Cơ sở Jionji	1/22	13:50 ～ 15:30	794-1141
	Trường học Cơ sở Haruno	1/15	13:30 ～ 15:30	682-3951		Trường học Cơ sở Jyohoku	1/22	13:00 ～ 14:30	757-1582
Quận Chuo	Trường học Cơ sở Yono-Higashi	1/9	9:30 ～ 10:30	831-4527		Trường học Cơ sở Sakurayama	1/9	13:10 ～ 15:30	794-4061
	Trường học Cơ sở Yono-Nishi	1/22	13:40 ～ 16:00	852-6235		Trường học Cơ sở Hakuyou	1/29	14:00 ～ 予定:	798-6655
	Trường học Cơ sở Yono-Minami	1/20	13:40 ～ 15:40	852-1579		Trường học Cơ sở Nishihara	1/26	13:20 ～ 15:20	756-1117
	Trường học Cơ sở Hachioji	1/9	13:00 ～ 14:00	854-8381	Khác	Trường học Cơ sở Irodori Gakuen	3/9	15:30 ～ 16:30	711-5377